

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-04-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tấn

Ông Phạm Thanh Châu Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đinh Phú Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sùng Thị C, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 1, B, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử mặt).

2. Bị đơn: Anh Giàng A C, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 1, B, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Sùng Thị C trình bày: Tôi và anh Giàng A C tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2009 và đến ngày 31 tháng 01 năm 2013 chúng tôi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 05/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hợp nhau và anh C cứ uống rượu về là lại đánh đập tôi, tôi đã khuyên bảo anh C rất nhiều lần nhưng anh C không thay đổi mà vẫn cứ đánh đập tôi, tôi đã nhờ anh em trong gia đình giải quyết nhưng anh C không thay đổi. Công an xã N, huyện V đã giải quyết hai lần về việc anh C đánh tôi nhưng anh C vẫn không thay đổi. Anh C đã đi làm ăn xa ở tỉnh Quảng Ninh từ tháng 05/2017 và kể từ đó vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định

tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh C.

Về con chung: Có 04 cháu: Giàng Sùng P, sinh ngày 05/01/2010; Giàng Thị D sinh ngày 09/12/2011; Giàng Trọng Đ, sinh ngày 18/09/2013; Giàng Thị N sinh ngày 13/03/2015. Khi ly hôn tôi và anh C đã thỏa thuận tôi để lại toàn bộ tài sản chung cho anh C, anh C nuôi cả 04 con và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu của anh C tại thôn 1, B, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho anh C. Ông Vàng A S là trưởng thôn thôn 1, B, xã N đã trực tiếp nhận và thông báo và giao cho anh C biết được việc chị C đang xin ly hôn anh nhưng anh C không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên tòa anh Giàng A C trình bày: Tôi và chị Sùng Thị C tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2009 và đến ngày 31 tháng 01 năm 2013 chúng tôi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 02/09/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và chúng tôi sống ly thân nhau từ 02/09/2022 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị C xin ly hôn tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 04 cháu: Giàng Sùng P, sinh ngày 05/01/2010; Giàng Thị D, sinh ngày 09/12/2011; Giàng Trọng Đ, sinh ngày 18/09/2013; Giàng Thị N sinh ngày 13/03/2015. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cả bốn con và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Sùng Thị C được ly hôn anh Giàng A C.

Về con chung: Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao các cháu Giàng Sùng P, sinh ngày 05/01/2010; Giàng Thị D, sinh ngày 09/12/2011; Giàng Trọng Đ, sinh ngày 18/09/2013; Giàng Thị N sinh ngày 13/03/2015 cho anh Giàng A C nuôi dưỡng. Chị Sùng Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị C là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Sùng Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị C và anh Giàng A C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 31 tháng 01 năm 2013 là hôn nhân hợp pháp. Chị C cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do tính tình vợ chồng sống với nhau không phù hợp nên mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra. Còn anh C cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 02/09/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị C xin ly hôn anh C. Anh C đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị C và anh C hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Chị C xin ly hôn, anh C đồng ý ly hôn. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị C được ly hôn anh C là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 04 cháu: Giàng Sùng P, sinh ngày 05/01/2010; Giàng Thị D, sinh ngày 09/12/2011; Giàng Trọng Đ sinh ngày 18/09/2013; Giàng Thị N sinh ngày 13/03/2015. Khi ly hôn anh C nhận nuôi cả bốn con và không yêu cầu

chị C cấp dưỡng nuôi con. Thu nhập của anh C một tháng 15.000.000đồng đủ để nuôi con. Chị C đồng ý. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy cần giao các cháu Giàng Sùng P; Giàng Thị D; Giàng Trọng Đ; Giàng Thị N cho anh C nuôi dưỡng. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của anh C không trái với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị C là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Sùng Thị C.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 điều 147; khoản 1 Điều 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Sùng Thị C được ly hôn anh Giàng A C.

2. Về con chung: Xử giao cháu Giàng Sùng P, sinh ngày 05/01/2010; Giàng Thị D, sinh ngày 09/12/2011; Giàng Trọng Đ, sinh ngày 18/09/2013; Giàng Thị N sinh ngày 13/03/2015 cho anh Giàng A C trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Sùng Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Sùng Thị C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản

án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã N.
- Lưu HS-TQĐ(2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng